

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/DS-PT
Ngày: 12-01-2024
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 đến ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2023/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 529/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: số B N, ấp B, xã B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Dương Thị C, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: số G, tổ H, ấp B, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

2. Ông Đoàn Hữu V, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: số I ấp P, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Chị Trần Minh H, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt);

2. Anh Lê Bá T, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: số A, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn chị Trần Minh H và anh Lê Bá T :
Ông Võ Tuấn Vĩnh T1, sinh năm 1973 (có mặt);*

Địa chỉ: số E P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Trần Minh H và Lê Bá T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Đỗ Thị N trình bày:

Do quen biết nên ngày 17/12/2022, chị N có cho bị đơn vay 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay một tháng, lãi suất thoả thuận miệng 3%/tháng. Khi vay, bị đơn có viết biên nhận nợ cho chị N. Khi đến hạn trả nợ, bị đơn không trả vốn và đóng lãi cho chị N, mặc dù chị N đã nhiều lần yêu cầu trả tiền. Từ khi khởi kiện cho đến ngày hoà giải, bị đơn trả cho chị N được 300.000.000 đồng tiền vốn. Nay chị Đỗ Thị N yêu cầu anh Lê Bá T và chị Trần Minh H trả cho chị N số tiền vốn là 1.900.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 3%/tháng tính từ ngày 17/12/2022 đến ngày xét xử, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Trần Minh H và Lê Bá T vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 73/2023/DSST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N.

Buộc anh Lê Bá T và chị Trần Minh H có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị N số tiền vốn là 1.843.568.000 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31/8/2022, đại diện của bị đơn Võ Tuấn Vĩnh T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Đỗ Thị N có chị Dương Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chị Trần Minh H và anh Lê Bá T trả cho chị N số tiền vốn là 1.843.568.000 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn đồng) theo như quyết định án sơ thẩm. Bị đơn chị Trần Minh H và anh Lê Bá T kháng cáo không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn trình bày cho rằng việc chị H anh Lê Bá T có vay mượn chị N số tiền trên là có thật nhưng trong quá trình vay mượn chị H và anh T đã trả cho chị N còn có tên gọi khác là chị O số tiền vốn và lãi là 906.162,000 đồng, nên chỉ còn nợ lại là 1.293.838.000 đồng, do đó chỉ chấp nhận trả số tiền 1.293.838.000 đồng, chứng minh cho việc trả tiền này chị H cung cấp các phiếu chuyển tiền tại Ngân hàng cho chị N. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của chị H và anh T, sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự, Luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hạn kháng cáo chị Trần Minh H và anh Lê Bá T kháng cáo còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định theo điều 463 Bộ luật Dân sự.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị N, đại diện theo uỷ quyền chị Dương Thị C có mặt, bị đơn chị Trần Minh H, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 17/12/2022, chị N có cho anh T và chị H vay 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay một tháng, lãi suất thoả thuận miệng 3%/tháng. Khi vay, anh T và chị H có viết biên nhận nợ cho chị N. Khi đến hạn trả nợ, anh T và chị H không trả vốn và đóng lãi cho chị N, mặc dù chị N đã nhiều lần yêu cầu trả tiền. Từ khi khởi kiện cho đến ngày hoà giải, anh T và chị H trả cho chị N được 300.000.000 đồng tiền vốn. Nay chị Đỗ Thị N yêu cầu anh Lê Bá T và chị Trần Minh H trả cho chị N số tiền vốn là 1.900.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 3%/tháng tính từ ngày 17/12/2022 đến ngày xét xử.

Chứng cứ để khởi kiện là: Biên nhận mượn tiền đề ngày 17/12/2022 do chị N cung cấp và lời thừa nhận của đại diện của anh T, chị H tại phiên tòa sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định ngày 17/12/2022 anh T và chị H vay của chị N 2.200.000.000 đồng, lãi suất theo thoả thuận.

Về lãi suất cho vay: Theo chị C trình bày, chị N cho anh T và chị H vay với lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm ngày 24/5/2023, anh T1 xác định việc vay tiền hai bên không có thoả thuận về lãi suất. Xét thấy, tại biên nhận mượn tiền ngày 17/12/2022 thể hiện anh T và chị H vay của chị N số tiền 2.200.000.000 đồng, lãi suất theo thoả thuận, do đó việc chị N trình bày lãi suất chị N cho anh T và chị H vay tiền với mức lãi suất 03%/tháng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với tổng số tiền anh T và chị H chuyển khoản cho nguyên đơn, Toà án nhận thấy: Căn cứ theo 15 Uỷ nhiệm chi và giấy báo nợ do chị H chuyển khoản cho chị N với tổng số tiền là 887.662.000 đồng. Trong đó có: 04 Uỷ nhiệm chi và giấy báo nợ thực hiện trước ngày 17/12/2022 (ngày anh T và chị H vay tiền) với tổng số tiền là 204.000.000 đồng.

Tại phiên toà, chị C xác định 04 khoản tiền trên, do anh T và chị H trả cho chị N theo Biên nhận ngày 23/11/2021 vì ngoài khoản vay trên giữa chị N và anh T và chị H còn xác lập nhiều quan hệ vay mượn tiền khác.

Tại văn bản trình bày ý kiến anh T1 cho rằng ngày 17/10/2022 anh T và chị H vay 1.500.000.000 đồng thông qua chuyển khoản và ngày 17/12/2022 vay tiếp 700.000.000 đồng tiền mặt, đồng thời viết biên nhận nợ 02 lần là 2,2 tỷ đồng và anh T và chị H đã nhiều lần chuyển tiền vốn và lãi cho nguyên đơn chị N số tiền là 906.162.000 đồng. Hiện nay chỉ còn nợ lại 1.293.838.000 đồng, để chứng minh cho việc trả nợ này trong giai đoạn xét xử phúc thẩm anh T và chị H đã cung cấp các phiếu chuyển tiền cho chị N.

Qua xem xét các phiếu chuyển tiền tổng số tiền chị H chuyển cho chị N tổng cộng 285.442.000 đồng. Nhưng tại phiên toà phúc thẩm, chị C trình bày bị đơn đã trả 300.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi là 304.600.000 đồng. Do đó cho thấy việc trình bày của chị N có lợi cho anh T và chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T và chị H cho rằng đã trả cho chị N số tiền 906.162.000 đồng.

Đối với số tiền lãi chị N đã nhận là 304.600.000 đồng, vượt quá số lãi theo quy định là 56.432.000 đồng (304.600.000 đồng - 248.168.000 đồng). Tại phiên toà, chị C đồng ý khấu trừ số tiền 56.432.000 đồng vào số tiền vốn anh T và chị H còn nợ là 1.900.000.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định pháp luật nên Toà án chấp nhận.

Như vậy, anh T và chị H có nghĩa vụ trả cho chị N tổng số tiền vốn là: 1.900.000.000 đồng - 56.432.000 đồng = 1.843.568.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị H, anh T không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Xét ý kiến trình bày của Luật sư bảo vệ cho anh T và chị H không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Minh H và Lê Bá T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 73/2023/DSST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N.

Buộc anh Lê Bá T và chị Trần Minh H có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị N số tiền vốn là 1.843.568.000 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ.

3. Về án phí : Anh Lê Bá T và chị Trần Minh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và 67.307.000 đồng (sáu mươi bảy triệu, ba trăm linh bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh T chị H đã đóng số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0024217 ngày 31/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M sau khi được cân trừ anh T chị H còn phải thi hành tiếp số tiền 67.307.000 đồng.

H1 lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.650.000 đồng (ba mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0023524 ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 12/01/2024 có mặt nghe tuyên án chị N, vắng mặt Luật sư T1, chị C./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều